|  |  |
| --- | --- |
| **NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC**  **VIỆT NAM**  Số: /2017/TT-NHNN | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hà Nội, ngày tháng năm 2017* |

**DỰ THẢO**

**THÔNG TƯ**

**Quy định Phương pháp tính lãi trong hoạt động nhận tiền gửi, cấp tín dụng giữa Tổ chức tín dụng với khách hàng**

*Căn cứ Bộ Luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;*

*Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16/6/2010;*

*Căn cứ Luật Các Tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010;*

*Căn cứ Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015;*

*Căn cứ Nghị định 16/2017/NĐ\_CP ngày 17/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính- Kế toán;*

*Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư quy định Phương pháp tính lãi trong hoạt động nhận tiền gửi, cấp tín dụng giữa Tổ chức tín dụng với khách hàng.*

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định về phương pháp tính lãi phát sinh trong hoạt động nhận tiền gửi, cấp tín dụng giữa Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài với khách hàng

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành lập và hoạt động theo Luật các tổ chức tín dụng trừ tổ chức tài chính vi mô (sau đây gọi tắt là tổ chức tín dụng).

Phương pháp tính lãi phát sinh trong hoạt động nhận tiền gửi, cấp tín dụng của tổ chức tài chính vi mô do Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn tại một văn bản khác trên cơ sở vận dụng các quy định tại Thông tư này phù hợp với hoạt động của tổ chức tài chính vi mô.

1. Khách hàng gửi tiền, nhận cấp tín dụng tại Tổ chức tín dụng (sau đây gọi là khách hàng) là các pháp nhân, cá nhânđược phép tham gia giao dịch gửi tiền, nhậncấp tín dụng tại Tổ chức tín dụng.

**Điều 3. Giải thích từ ngữ**

1.***Số tiềnlãi:***là khoản tiền bên nhận tiền gửi, bên được cấp tín dụng trả cho bên gửi tiền, bên cấp tín dụng về việc sử dụng khoản tiền đã nhận.

2. ***Số dư thực tế:*** bao gồm số dư tiền gửi,số dư Nợ gốc trong hạn, số dư Nợ gốc quá hạn, số dư lãi chậm trả sử dụng để tính lãi theo thỏa thuận tại hợp đồng tiền gửi, cấp tín dụng vàtheo quy định của pháp luật.

3. ***Thời gian duy trì số dư thực tế***: là khoảng thời gian mà số dư thực tế không thay đổi.

4. ***Bên nhận lãi:*** là tổ chức tín dụng hoặc khách hàng được nhận số tiền lãi theo thỏa thuận.

5. ***Bên trả lãi:***là tổ chức tín dụng hoặc khách hàng phải trả số tiền lãi theo thỏa thuận.

6. ***Thời hạn tính lãi:***là toàn bộ khoảng thời gian do Bên nhận lãi và bên trả lãi thỏa thuận để tính số tiền lãi của khoản tiền gửi, cấp tín dụng phù hợp với quy định của pháp luật.

7.***Kỳ tính lãi:*** là khoảng thời gian trong thời hạn tính lãi mà bên nhận lãi và bên trả lãi thỏa thuận dùng để tính số tiền lãi.

**Điều 4. Thỏa thuận về tính và thanh toán lãi**

1. Lãi suất, phương pháp tính và thanh toán lãi do bên trả lãi và bên nhận lãi thỏa thuận, phù hợp với quy định tại Thông tư này của quy định của pháp luật liên quan.

2. Kỳ tính lãi có thể được xác định bằng giây, phút, giờ, ngày, tuần, tháng, năm hoặc theo thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật.

**Điều 5. Minh bạch lãi suất**

1. Phương pháp tính lãi
   1. Lãi suất sử dụng để tính số tiền lãi theo phương pháp này được tính theo tỷ lệ %/năm (lãi suất năm).

Thời gian sử dụng để quy đổi mức lãi suất theo tỷ lệ %/tháng, %/tuần sang mức lãi suất theo tỷ lệ %/ngày; quy đổi mức lãi suất theo tỷ lệ %/ngày sang mức lãi suất theo tỷ lệ %/năm (lãi suất năm) và ngược lại được tính theo quy định tại tiết a, tiết c, tiết đ khoản 1 Điều 146 Bộ Luật dân sự 2015.

* 1. Bên nhận lãi và bên trả lãi tính toán số tiền lãi của từng kỳ tính lãi như sau:
* Số tiền lãi của một ngày được tính toán như sau:

Số tiền lãi trong kỳ tính lãi bằng (=) tổng số tiền lãi ngày của toàn bộ các ngày trong kỳ tính lãi.

- Đối với các khoản tiền gửi, cấp tín dụng có thời gian duy trì số dư thực tế nhiều hơn một (01) ngày trong kỳ tính lãi, các bênđược sử dụng công thức rút gọn sau để tính lãi:

- Đối với những khoản tiền gửi, cấp tín dụng có thời hạn không đủ một ngày thì số tiền lãi tính theo giờ, phút, giây được quy đổi từ số tiền lãi ngày theo quy định tại tiết e, tiết g, tiết h khoản 1 Điều 146 Bộ Luật dân sự 2015.

1. Minh bạch lãi suất trong hoạt động nhận tiền gửi, cấp tín dụng giữa tổ chức tín dụng và khách hàng
   1. Tổ chức tín dụng phải thông tin đến khách hàng khi có sự thay đổi về phương pháp tính lãi hoặc lãi suất áp dụng.

2.2. Tổ chức tín dụng thỏa thuận với khách hàng áp dụng phương pháp tính lãi khác với phương pháp tính lãi quy định tại Khoản 1 Điều nàyphải thông báo tới khách hàng đầy đủ các thông tin sau:

- Phương pháp tính lãi và mức lãi suất áp dụng theo thỏa thuận giữa tổ chức tín dụng và khách hàng; và

- Lãi suất năm tương ứngnếu số tiền lãi được tính theo phương pháp tính lãi quy định tại Khoản 1 Điều này.

**Điều6. Quyền và trách nhiệm của bên nhận lãi**

1. Bên nhận lãi có quyền:
   1. Nhận đầy đủ, đúng hạn số tiền lãi được tính toán theo đúng thỏa thuận.
   2. Bên nhận lãi là khách hàng của tổ chức tín dụng có quyền yêu cầu Tổ chức tín dụng giải thích các thông tin quy định tại Khoản 2 Điều 5 Thông tư này.
2. Bên nhận lãi là tổ chức tín dụng có trách nhiệm giải thích các thông tin quy định tại Khoản 2 Điều 5 Thông tư này khi có yêu cầu của khách hàng hoặc cơ quan có thẩm quyền.

**Điều 7. Quyền và trách nhiệm của bên trả lãi**

1. Quyền của bên trả lãi là khách hàng của tổ chức tín dụng: Được yêu cầu tổ chức tín dụng giải thích các thông tin quy định tại Khoản 2 Điều 5 Thông tư này.
2. Bên trả lãi có trách nhiệm:
   1. Trả đầy đủ, đúng hạn số tiền lãi được tính toán theo đúng thỏa thuận.
   2. Bên trả lãi là tổ chức tín dụng có trách nhiệm giải thích các thông tin quy định tại Khoản 2 Điều 5 Thông tư này khi có yêu cầu của khách hàng hoặc cơ quan có thẩm quyền.

**Điều 8. Hạch toán kế toán**

Bên nhận lãi và bên trả lãi thực hiện hạch toán kế toán thu nhập/ chi phí lãi tuân thủ quy định của pháp luật về kế toán và các quy định khác của Pháp luật có liên quan.

**Điều 9. Trách nhiệm của các đơn vị Ngân hàng Nhà nước**

1. Vụ Tài chính - Kế toán làm đầu mối xử lý các vấn đề vướng mắc liên quan đến việc triển khai thực hiện Thông tư này.

2. Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng có trách nhiệm thanh tra, giám sát việc thực hiện Thông tư này và xử lý các vi phạm theo thẩm quyền.

**Điều 10. Điều khoản chuyển tiếp**

1. Việc tính lãi của các hợp đồng tiền gửi,cấp tín dụngký trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành được tiếp tục thực hiện theo các thỏa thuận đã ký kết hoặc sửa đổi, bổ sungcác nội dung về phương pháp tính lãi trong hợp đồng tiền gửi, cấp tín dụng sau ngày Thông tư này có hiệu lực phù hợp với quy định tại Thông tư này.
2. Đối với các khoản tiền gửi không kỳ hạn của khách hàng tại Tổ chức tín dụng, tại ngày Thông tư này có hiệu lực, Tổ chức tín dụng thực hiện theo thỏa thuận với khách hàng hoặcbắt đầu chuyển sang tính lãi cho khách hàng theo phương pháp tính lãi quy định tại Khoản 1 Điều 5 Thông tư này.

**Điều 11. Tổ chức thực hiện**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/.../2017.
2. Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, các văn bản sau đây hết hiệu lực thi hành:

a) Quyết định số 652/2001/QĐ-NHNN ngày 17/5/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành Quy định phương pháp tính và hạch toán thu, trả lãi của Ngân hàng Nhà nước và các Tổ chức tín dụng;

b) Khoản 2 Điều 13 Quyết định số 1160/2004/QĐ-NHNN ngày 13/9/2004 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành Quy chế về tiền gửi tiết kiệm.

2. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Tài chính- Kế toán, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Thủ trưởng các đơn vị liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên và Tổng giám đốc (Giám đốc) tổ chức tín dụng chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Thông tư này./.

**THỐNG ĐỐC**

***Nơi nhận:***

- Như Điều 12 (*để thực hiện*);

- Ban Lãnh đạo NHNN (*để b/cáo*);

- Văn phòng Chính phủ;

- Công báo;

- Bộ Tư pháp (*để kiểm tra*);

- Bộ Tài chính (*để biết*);

- Lưu: VP, PC, TCKT (10 bản).